

**NGÂN HÀNG TMCP  
KIÊN LONG**

Số: 479/NHKL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Rạch Giá, ngày 20 tháng 7 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,**

Công ty: Ngân hàng TMCP Kiên Long

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (0773) 869950

Fax: (0773) 877538

Người thực hiện công bố thông tin: **TRẦN TUẤN ANH**

Địa chỉ: D35 KDC Nam Long, phường Phú Thuận, quận 07, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: Di động 0908 38 1988; Cơ quan: (002973) 869950

Fax: (02973) 877538

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý II năm 2021 Ngân hàng TMCP Kiên Long (Đính kèm Báo cáo).

2. Công bố thông tin Công văn số 478/NHKL ngày 20/7/2021 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế riêng lẻ Quý II năm 2021 và lũy kế 6 tháng năm 2021 (Đính kèm Công văn).

3. Công bố thông tin Công văn số 477/NHKL ngày 20/7/2021 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý II năm 2021 và lũy kế 6 tháng năm 2021 (Đính kèm Công văn).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long vào ngày 20/7/2021 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *BS*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.



*Trần Tuấn Anh*



Số: 477/NHKL

V/v giải trình biến động lợi nhuận  
sau thuế hợp nhất quý 2 năm 2021  
và lũy kế 6 tháng năm 2021

Rạch Giá, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Kiên Long, mã chứng khoán KLB, xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021 và lũy kế 6 tháng năm 2021 như sau:

**I. Biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 2 năm 2021 và lũy kế 6 tháng năm 2021:**

**1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2020:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021 tăng 45.654 triệu đồng, tương đương tăng 124,75% so với quý 2 năm 2020 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập tăng 129.841 triệu đồng, tương đương tăng 40,24%, chủ yếu do:
  - + Thu nhập lãi thuần tăng 57.383 triệu đồng, tương đương tăng 22,58%.
  - + Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 76.729 triệu đồng, tương đương tăng 469,69%.
  - + Lãi thuần từ hoạt động khác tăng 23.213 triệu đồng, tương đương tăng 705,78%.
- Tổng chi phí tăng 72.405 triệu đồng, tương đương tăng 26,13% do chi phí hoạt động tăng 54.207 triệu đồng, tương đương tăng 20,31% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 18.198 triệu đồng, tương đương tăng 178,89%.

Đơn vị: Triệu đồng, %

| STT       | Chỉ tiêu  | Quý 2/2020     | Quý 2/2021     | Tăng/giảm (+/-) quý 2/2021 so với cùng kỳ |              |
|-----------|---|----------------|----------------|---|--------------|
|           |   |                |                | Số dư                                     | Tỷ lệ (%)    |
| <b>I</b>  | <b>Tổng thu nhập</b>                            | <b>322.697</b> | <b>452.538</b> | <b>129.841</b>                            | <b>40,24</b> |
| 1         | Thu nhập lãi thuần                              | 254.135        | 311.518        | 57.383                                    | 22,58        |
| 2         | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ              | 16.336         | 93.065         | 76.729                                    | 469,69       |
| 3         | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 10.066         | 5.562          | (4.504)                                   | (44,74)      |
| 4         | Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | -              | -              | -   | -            |
| 5         | Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 37.980         | 14.182         | (23.798)                                  | (62,66)      |
| 6         | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác                 | 3.289          | 26.502         | 23.213                                    | 705,78       |
| 7         | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                | 891            | 1.709          | 818                                       | 91,81        |
| <b>II</b> | <b>Tổng chi phí</b>                             | <b>277.049</b> | <b>349.454</b> | <b>72.405</b>                             | <b>26,13</b> |
| 1         | Chi phí hoạt động                               | 266.876        | 321.083        | 54.207                                    | 20,31        |





| STT        | Chỉ tiêu                         | Quý 2/2020    | Quý 2/2021     | Tăng/giảm (+/-) quý 2/2021 so với cùng kỳ |               |
|------------|----------------------------------|---------------|----------------|---|---------------|
|            |                                  |               |                | Số dư                                     | Tỷ lệ (%)     |
| 2          | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 10.173        | 28.371         | 18.198                                    | 178,89        |
| <b>III</b> | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b> | <b>45.648</b> | <b>103.084</b> | <b>57.436</b>                             | <b>125,82</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí thuế TNDN</b>         | <b>9.052</b>  | <b>20.834</b>  | <b>11.782</b>                             | <b>130,16</b> |
| <b>V</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>        | <b>36.596</b> | <b>82.250</b>  | <b>45.654</b>                             | <b>124,75</b> |

**2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank lũy kế 6 tháng năm 2021 tăng trên 10% so với lũy kế 6 tháng năm 2020:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank lũy kế 6 tháng năm 2021 tăng 524.724 triệu đồng, tương đương tăng 638,67% so với lũy kế 6 tháng năm 2020 chủ yếu là do các nguyên nhân sau đây:

- Tổng thu nhập tăng 743.368 triệu đồng, tương đương tăng 105,23%, chủ yếu do:
  - + Thu nhập lãi thuần tăng 676.757 triệu đồng, tương đương tăng 123,02%.
  - + Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 96.191 triệu đồng, tương đương tăng 269,87%.

- Tổng chi phí tăng 40.382 triệu đồng, tương đương tăng 6,69% do chi phí hoạt động tăng 56.990 triệu đồng, tương đương tăng 10,86% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 16.608 triệu đồng, tương đương giảm 21,02%.

*Đơn vị: Triệu đồng, %*

| STT        | Chỉ tiêu  | Lũy kế đến tháng 6/2020 | Lũy kế đến tháng 6/2021 | Tăng/giảm (+/-) lũy kế đến tháng 6/2021 so với cùng kỳ |               |
|------------|---|-------------------------|-------------------------|--|---------------|
|            |   |                         |                         | Số dư  | Tỷ lệ (%)     |
| <b>I</b>   | <b>Tổng thu nhập</b>                            | <b>706.436</b>          | <b>1.449.804</b>        | <b>743.368</b>   | <b>105,23</b> |
| 1          | Thu nhập lãi thuần                              | 550.104                 | 1.226.861               | 676.757  | 123,02        |
| 2          | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ              | 35.643                  | 131.834                 | 96.191   | 269,87        |
| 3          | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 18.854                  | 10.613                  | (8.241)  | (43,71)       |
| 4          | Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | -                       | -                       | -  | -             |
| 5          | Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 37.980                  | 45.996                  | 8.016  | 21,11         |
| 6          | Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác                 | 62.964                  | 32.791                  | (30.173)   | (47,92)       |
| 7          | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                | 891                     | 1.709                   | 818  | 91,81         |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                             | <b>603.720</b>          | <b>644.102</b>          | <b>40.382</b>  | <b>6,69</b>   |
| 1          | Chi phí hoạt động                               | 524.720                 | 581.710                 | 56.990   | 10,86         |
| 2          | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                | 79.000                  | 62.392                  | (16.608)   | (21,02)       |
| <b>III</b> | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                | <b>102.716</b>          | <b>805.702</b>          | <b>702.986</b>   | <b>684,40</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí thuế TNDN</b>                        | <b>20.557</b>           | <b>198.819</b>          | <b>178.262</b>   | <b>867,16</b> |
| <b>V</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                       | <b>82.159</b>           | <b>606.883</b>          | <b>524.724</b>   | <b>638,67</b> |



**II. Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021 và lũy kế 6 tháng năm 2021:**

**1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 2 năm 2021 tăng 45.654 triệu đồng, tương đương tăng 124,75% so với quý 2 năm 2020 nguyên nhân chủ yếu từ tăng thu nhập trong các mảng hoạt động của Kienlongbank.

**2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank lũy kế 6 tháng năm 2021:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank lũy kế 6 tháng năm 2021 tăng 524.724 triệu đồng, tương đương tăng 638,67% so với lũy kế 6 tháng năm 2020 nguyên nhân chủ yếu là do trong quý 1 năm 2021 Ngân hàng đã phối hợp với khách hàng xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm, hoàn thành việc thu hồi nợ gốc và lãi phải thu của các khoản cho vay có tài sản bảo đảm là cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) theo Phương án cơ cấu lại Kienlongbank gắn với xử lý nợ xấu đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Ban TGD (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *Ch*



*Trần Xuân Anh*